TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/DS-PT
Ngày: 23-3-2021
V/v: "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Mạnh Hùng

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đạt Nguyên – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2021/TLPT- DS ngày 18 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp: "Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 53/2021/QĐ-PT ngày 04/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Lê ND, sinh năm: 1960, bà Phạm TT, sinh năm: 1961; cư trú tại thôn TL 3, xã DL, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê ND: Bà Phạm TT, sinh năm 1961; cư trú tại thôn TL 3, xã DL, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền do Ủy ban nhân dân xã DL, huyện X, tỉnh Lâm Đồng xác nhận), bà TT có mặt.

Bị đơn: Ông Trần VN, sinh năm: 1990; cư trú tại thôn 13, xã HB, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bà Phạm TT - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/9/2018 của vợ chồng ông Lê ND, bà Phạm TT, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm thì: Nguyên trước đây gia đình ông ND, bà TT có chuyển nhượng cho ông Nguyễn T diện tích đất 5.000m^2 (trong đó 4.453,9m^2, thuộc thửa 359, tờ bản đồ 8A, xã DL và 547m^2, thuộc thửa 360, tờ bản đồ 8A, xã DL). Sau này ông T chuyển nhượng cho ông VN, lúc đó ông T viết giấy chuyển nhượng cho vợ chồng ông, bà diện tích đất 547m^2, thuộc một phần thửa 360 với giá 35.000.000đ hẹn tới tháng 12 trả tiền nhưng chưa tới tháng 12 đã vào thu hái cà phê nên việc chuyển nhượng không tiến hành nữa. Tuy nhiên ông VN còn thu hái cà phê trên diện tích đất 999,3m^2, thuộc một phần thửa 360 của gia đình bà vào năm 2017 và cưa chặt 10 cây cà phê của gia đình bà.

Nay vợ chồng ông, bà yêu cầu ông VN bồi thường cho gia đình ông, bà số cà phê đã thu hái là 500kg cà phê nhân, thành tiền 19.000.000đ, tính lãi phát sinh từ tháng 11/2017 đến nay theo mức lãi suất 1%/tháng thành tiền 7.220.000đ và ông VN còn chặt của gia đình 10 cây cà phê thời kỳ kinh doanh, yêu cầu ông VN bồi thường 1.500.000đ, tổng cộng 27.720.000đ.

- Theo lời trình bày của ông VN thì: Ông nhận chuyển nhượng của ông T diện tích đất trồng cà phê 5.000m^2 và năm 2017 ông chỉ thu hái cà phê trên phần diện tích đất đã nhận chuyển nhuoựng, không hái cà phê trên diện tích đất của vợ chồng bà TT, ông ND, không chặt cà phê nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, do có tranh chấp với nhau nên ông đã đồng ý giao phần diện tích đất 999,3m^2 cho vợ chồng ông ND, bà TT.

Tại Bản án số 01/2021/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2021; Toà án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Phạm TT, ông Lê ND về việc yêu cầu ông Trần VN bồi thường số tiền 27.720.000đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/01/2021 bà Phạm TT có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông Trần VN bồi thường cho vợ chồng bà TT số tiền 27.720.000đ.

Tại phiên tòa,

Bà Phạm TT vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm TT, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc giữa vợ chồng ông ND, bà TT có chuyển nhượng cho ông Nguyễn T diện tích đất 5.000m^2, thuộc thửa 245, tờ bản đồ số 8A, xã DL, huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Ngày 12/7/2017 các bên làm thủ tục tách thửa, ông T được Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với diện tích 4.453m^2, thuộc thửa 539, tờ bản đồ số 8A, xã DL, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, phần diện tích đất còn lại chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Tháng 10/2017 ông T chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất nói trên cho ông VN. Quá trình sử dụng đất ông VN thu hái cà phê trên diện tích đất nhận chuyển nhượng, tuy nhiên vợ chồng ông ND, bà TT cho rằng ông VN thu hái cà phê trên diện tích đất 999,3m^2, thuộc một phần thửa 360, tờ bản đồ số 08A, xã DL và chặt 10 cây cà phê của gia đình ông, bà nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà TT thì thấy rằng:

[2.1] Diện tích đất 5.000m^2 (trong đó 4.453,9m^2, thuộc thửa 359, tờ bản đồ số 8A và 547m^2, thuộc một phần thửa 360) có nguồn gốc là của vợ chồng ông ND, bà TT chuyển nhượng cho ông T, sau đó ông T chuyển nhượng cho ông VN.

[2.2] Quá trình sử dụng diện tích đất nói trên các bên xảy ra tranh chấp. Theo biên bản sự việc ngày 11/11/2017 của Công an xã DL, huyện X, tỉnh Lâm Đồng thì ông Nguyễn T cam kết *"số cà phê gia đình anh VN đang thu hái là diện tích đất 5.000m^2 của tôi, nếu sai tôi chịu trách nhiệm..."*. Mặt khác, tại hồ sơ tách thửa được Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng thu thập tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X, tỉnh Lâm Đồng thì tại thời điểm tách thửa và ký xác nhận vào hồ sơ tách thửa gồm thửa 539 (diện tích 4.453,9m^2 đất LNC) và thửa 360 (diện tích 2.358,1m^2 đất LNC), toàn bộ diện tích đất nói trên là của vợ chồng ông ND, bà TT. Sau đó vợ chồng ông ND, bà TT chuyển nhượng cho ông T và ông T chuyển nhượng cho ông VN, ông T xác định diện tích đất thực tế ông nhận chuyển nhượng và chuyển nhượng cho ông VN là khoảng 5.000m^2. Vợ chồng ông ND, bà TT cho rằng ông VN sử dụng toàn bộ diện tích 5.999,3m^2, tuy nhiên diện tích thực tế đo đạc diện tích đất ông VN đang sử dụng là 5.039,8m^2 là phù hợp với diện tích đất thực tế mà ông VN nhân chuyển nhượng từ ông T.

[2.3] Bên cạnh đó tại Biên bản làm việc ngày 08/02/2018 của Công an huyện X đã xác định theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH 606909 ngày 12/7/2017 thì số cây cà phê mà ông VN chặt phá và thu hoạch vào cuối năm 2017 nằm trong phần đất đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho ông Trần VN nên việc nguyên đơn cho rằng ông VN thu hái cà phê và chặt cà phê trên diện tích đất 999,3m^2 là không có cơ sở.

[3] Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Phạm TT, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng: do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí, xem xét thẩm định tại chỗ là 700.000đ (đã tạm nộp và được Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng quyết toán xong).

[5] Về án phí:

Vợ chồng ông Lê ND, bà Phạm TT phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 1.386.000đ (27.720.000đ x 5%).

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà TT phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 584, 585, 588, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm TT, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" của vợ chồng ông Lê ND, bà Phạm TT về việc yêu cầu ông Trần VN phải bồi thường số tiền 27.720.000đ (Hai mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Lê ND, bà Phạm TT phải chịu 700.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đã tạm nộp và được Tòa án quyết toán xong).

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Vợ chồng ông Lê ND, bà Phạm TT phải chịu 1.386.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 586.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009547 ngày 16/5/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông ND, bà TT còn phải nộp 800.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm:

Bà Phạm TT phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001913 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Bà TT đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV & THA;
- TAND huyện X, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện X, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Châu Thạch